

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá

Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An có nhu cầu tiếp nhận báo giá để lựa chọn đơn vị thẩm định giá hàng hóa gói thầu mua sắm các mặt hàng vật tư y tế thuộc Thông tư số 04/2017/TT-BYT chuyên khoa Mắt năm 2024 tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An thuộc dự toán cung ứng các mặt hàng vật tư y tế thuộc Thông tư số 04/2017/TT-BYT chuyên khoa Mắt năm 2024 tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An.
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: DS Lê Thị Kiên – Nhân viên Khoa dược - Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An. Số điện thoại liên hệ: 0976448884.
 - Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Bệnh viện nhận trực tiếp tại địa chỉ: DS Lê Thị Kiên, SĐT: 0976448884. Khoa Dược, Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An, Km Số 5, Đại lộ Lê Nin, Xóm 14, Xã Nghi Phú, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
 - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 4 tháng 12 năm 2023 đến trước 17h ngày 14 tháng 12 năm 2023
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Nội dung thẩm định giá: thẩm định giá các mặt hàng vật tư y tế thuộc Thông tư số 04/2017/TT-BYT chuyên khoa Mắt năm 2024 tại Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An (*Chi tiết danh mục tại phụ lục đính kèm*)
- Yêu cầu hồ sơ chào giá gồm các tài liệu sau:
 - Báo giá dịch vụ thẩm định giá;
 - Bản sao giấy đăng ký kinh doanh, hồ sơ công bố đủ điều kiện thẩm định giá (nếu có).

3. Thời gian bàn giao chứng thư thẩm định giá dự kiến: theo thảo thuận trong hợp đồng giữa bệnh viện và đơn vị thẩm định giá.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không yêu cầu.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không yêu cầu

Rất mong nhận được sự tham gia từ phía các đơn vị cung cấp dịch vụ thẩm định giá. Kết quả thẩm định giá do quý công ty cung cấp là căn cứ để Bệnh viện tham khảo xây dựng giá gói thầu và đơn vị thẩm định giá chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định do đơn vị cung cấp.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc (để b/c);
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, TCKT, KD.



Nguyễn Văn Hương



PHỤ LỤC

**DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO THÔNG THƯỜNG THUỘC THÔNG TƯ SỐ 04/2017/TT-BYT
NĂM 2024 TẠI BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA NGHỆ AN**

(Ban hành kèm Yêu cầu báo giá số 3321 /TM-BV ngày 1 tháng 12 năm 2023 của Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An)

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
1	MT1	Bộ dẫn lưu thủy dịch	Sử dụng được với máy phaco. Đã tiệt trùng.	Bộ	30
2	MT2	Chỉ phẫu thuật không tiêu	Chất liệu: Nylon. Số 10/0. Đơn sợi. Chiều dài chỉ $\geq 30,0$ cm. Có 2 kim. Chiều dài kim $\geq 6,0$ mm, độ cong kim 3/8 đường tròn. Đạt tiêu chuẩn CE. Đã tiệt trùng.	Sợi	200
3	MT3	Chỉ phẫu thuật không tiêu	Chất liệu: Nylon. Số 10/0. Đơn sợi. Chiều dài chỉ $\geq 30,0$ cm. Có 2 kim. Chiều dài kim $\geq 6,0$ mm, độ cong kim 3/8 đường tròn. Đã tiệt trùng.	Sợi	100
4	MT5	Chỉ phẫu thuật không tiêu	Chất liệu: Polypropylene. Số 10/0. Đơn sợi. Chiều dài chỉ $\geq 30,0$ cm. Có 2 kim. Độ cong kim 3/8 đường tròn. Đã tiệt trùng.	Sợi	300
5	MT6	Dao bẻ góc 15 độ	Chất liệu lưỡi dao: thép không gỉ. Dao thẳng, góc 15 độ, 2 mặt vát. Đã tiệt trùng từng cái.	Cái/Chiếc	500
6	MT7	Dao lạng mỏng	Chất liệu lưỡi dao: thép không gỉ Kích thước $\leq 3,0$ mm, 2 mặt vát, lưỡi bẻ góc. Đã tiệt trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn CE.	Cái/Chiếc	50
7	MT8	Dao phẫu thuật thủy tinh thể	Chất liệu lưỡi dao: thép không gỉ. Kích thước lưỡi dao $\geq 2,8$ mm. Yêu cầu có cỡ 2,8 mm. Đã tiệt trùng từng cái.	Cái/Chiếc	500
8	MT10	Dịch nhầy	Thành phần: Hydroxypropyl Methylcellulose (HPMC). Nồng độ $\geq 2,0$ %. Độ nhầy: 3000-8000 cps. Độ PH: 6,8-7,6. Đã tiệt trùng.	Ống/Lọ	2.000
9	MT11	Gạc băng mắt	Chất liệu: cotton Kích thước: rộng $\geq 4,0$ cm, dài $\geq 7,0$ cm Đã tiệt trùng từng cái/miếng.	Cái/Miếng	20.000
10	MT12	Gạc băng mắt	Chất liệu: cotton Kích thước: rộng $\geq 4,0$ cm, dài $\geq 7,0$ cm Đóng gói ≤ 10 cái/miếng mỗi gói Đã tiệt trùng.	Cái/Miếng	20.000
11	MT13	Miếng dán mi	Kích thước: Rộng $\geq 10,0$ cm, dài $\geq 12,0$ cm Đã tiệt trùng.	Cái/Miếng	2.000
12	MT14	Miếng dán mi	Kích thước: Rộng $\geq 6,0$ cm, dài $\geq 7,0$ cm Đã tiệt trùng.	Cái/Miếng	2.000

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
13	MT15	Thuốc nhuộm bao thủy tinh thể	Thành phần: trypan blue $\geq 0,06\%$, kết hợp với Natri chlorid. Dung tích $\geq 1,0$ ml. Đã tiệt trùng.	Ống/Lọ/ Xy lanh	50
14	MT16	Thủy tinh thể nhân tạo ba tiêu cự	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, ba tiêu cự, 1 mảnh. 2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic hydrophobic (kỵ nước) 3. Màu vàng, lọc tia cực tím, lọc ánh sáng xanh, phi cầu 4. Chỉ số khúc xạ (RI): $1,46 \leq RI \leq 1,55$ 5. Đặc điểm càng: 2 càng, cùng chất liệu với vùng quang học 6. Chiều dài thủy tinh thể: từ 12,3 mm đến 13,7 mm; đường kính vùng quang học: từ 5,5 mm đến 6,5 mm 7. Dải công suất đáp ứng ít nhất từ +10,0 D đến +30,0 D 8. Kích thước vết mổ tối thiểu có thể đưa qua: $\leq 2,2$ mm 9. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt 10. Vùng quang học thiết kế theo công nghệ nhiễu xạ kết hợp khúc xạ; công suất bổ sung cho tiêu điểm nhìn gần $\geq +3,0$ D và $\leq +3,5$ D; công suất bổ sung cho tiêu điểm nhìn trung gian: $\geq 1,5$ D Đạt tiêu chuẩn CE.	Cái/Chiếc	20
15	MT17	Thủy tinh thể nhân tạo ba tiêu cự	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, ba tiêu cự, 1 mảnh 2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic hỗn hợp 3. Không màu, lọc tia cực tím, phi cầu 4. Chỉ số khúc xạ (RI): $1,46 \leq RI < 1,50$ 5. Thủy tinh thể dạng phiến 6. Chiều dài thủy tinh thể: từ 10,4 mm đến 11,6 mm; đường kính vùng quang học: từ 5,5 mm đến 6,5 mm 7. Dải công suất đáp ứng ít nhất từ 0,0 D đến +30,0 D 8. Kích thước vết mổ tối thiểu có thể đưa qua: $\leq 2,2$ mm 9. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt 10. Vùng quang học thiết kế theo công nghệ nhiễu xạ kết hợp khúc xạ; công suất bổ sung cho tiêu điểm nhìn gần $\geq +3,0$ D và $\leq +3,5$ D; công suất bổ sung cho tiêu điểm nhìn trung gian $\geq +1,5$ D và $\leq +1,75$ D Đạt tiêu chuẩn CE.	Cái/Chiếc	20

T
 BỆNH
 NGHỊ
 NGHỆ
 ★

✓

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
16	MT18	Thủy tinh thể nhân tạo đa tiêu kéo dài tiêu cự	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm đa tiêu kéo dài tiêu cự 2. Chất liệu vùng quang học: Copolymer 3. Không màu, lọc tia cực tím, phi cầu 4. Chỉ số khúc xạ (RI): $\geq 1,46$ 5. Đặc điểm càng: 4 càng, cùng chất liệu với vùng quang học 6. Chiều dài thủy tinh thể: từ 10,4 mm đến 11,6 mm; đường kính vùng quang học: từ 5,5 mm đến 6,5 mm 7. Dải công suất đáp ứng ít nhất từ 0,0 D đến + 30,0 D 8. Kích thước vết mổ tối thiểu có thể đưa qua: $\leq 2,2$ mm 9. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt Đạt tiêu chuẩn CE.	Cái/Chiếc	20
17	MT19	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh 2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic Hydrophilic (ngậm nước) 3. Không màu, lọc tia cực tím, phi cầu. 4. Chỉ số khúc xạ (RI): $\geq 1,46$ 5. Đặc điểm càng: 4 càng, cùng chất liệu với vùng quang học 6. Chiều dài thủy tinh thể: từ 10,4 mm đến 11,6 mm; đường kính vùng quang học: từ 5,5 mm đến 6,5 mm 7. Dải công suất đáp ứng ít nhất từ -10,0 D đến +40,0 D 8. Kích thước vết mổ tối thiểu có thể đưa qua: $\leq 2,2$ mm 9. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt Đạt tiêu chuẩn CE.	Cái/Chiếc	200
18	MT20	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh 2. Chất liệu vùng quang học: Copolymer 3. Không màu, lọc tia cực tím, phi cầu 4. Chỉ số khúc xạ (RI): $\geq 1,46$ 5. Đặc điểm càng: 4 càng, cùng chất liệu với vùng quang học 6. Chiều dài thủy tinh thể: từ 10,4 mm đến 11,6 mm; đường kính vùng quang học: từ 5,5 mm đến 6,5 mm 7. Dải công suất đáp ứng ít nhất từ -3,0 D đến + 40,0 D 8. Kích thước vết mổ tối thiểu có thể đưa qua: $\leq 2,2$ mm 9. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt Đạt tiêu chuẩn CE.	Cái/Chiếc	700

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
19	MT21	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh 2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic hydrophilic (ngậm nước) 3. Không màu, lọc tia cực tím, phi cầu 4. Chỉ số khúc xạ (RI): $1,46 \leq RI < 1,50$. 5. Đặc điểm càng: 2 càng, cùng chất liệu với vùng quang học 6. Chiều dài thủy tinh thể: từ 11,4 mm đến 12,6 mm; đường kính vùng quang học: từ 5,5 mm đến 6,5 mm 7. Dải công suất đáp ứng ít nhất từ -5,0 D đến +42,0 D 8. Kích thước vết mổ tối thiểu có thể đưa qua: $\leq 2,8$ mm 9. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt Đạt tiêu chuẩn CE.	Cái/Chiếc	100
20	MT22	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh 2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic hydrophilic (ngậm nước) 3. Màu vàng, lọc tia cực tím, lọc ánh sáng xanh, phi cầu 4. Chỉ số khúc xạ (RI): $1,46 \leq RI < 1,50$ 5. Đặc điểm càng: 2 càng, cùng chất liệu với vùng quang học 6. Chiều dài thủy tinh thể: từ 11,4 mm đến 12,6 mm; đường kính vùng quang học: từ 5,5 mm đến 6,5 mm 7. Dải công suất đáp ứng ít nhất từ -10,0 D đến +45,0 D 8. Kích thước vết mổ tối thiểu có thể đưa qua: $\leq 2,8$ mm 9. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt Đạt tiêu chuẩn CE.	Cái/Chiếc	300
21	MT23	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh 2. Chất liệu vùng quang học: Copolymer 3. Không màu, lọc tia cực tím, phi cầu 4. Chỉ số khúc xạ (RI): $\geq 1,46$ 5. Đặc điểm càng: 2 càng, cùng chất liệu với vùng quang học 6. Chiều dài thủy tinh thể: từ 11,8 mm đến 13,2 mm; đường kính vùng quang học: từ 5,5 mm đến 6,5 mm 7. Dải công suất đáp ứng ít nhất từ 0,0 D đến +30,0 D 8. Kích thước vết mổ tối thiểu có thể đưa qua: $\leq 2,2$ mm 9. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt Đạt tiêu chuẩn CE.	Cái/Chiếc	600

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật yêu cầu	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến đề xuất
22	MT24	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh 2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic hydrophobic (ky nước) 3. Màu vàng, lọc tia cực tím, lọc ánh sáng xanh, phi cầu 4. Chỉ số khúc xạ (RI): $\geq 1,54$ 5. Đặc điểm càng: 2 càng, cùng chất liệu với vùng quang học 6. Chiều dài thủy tinh thể: từ 12,3 mm đến 13,7 mm; đường kính vùng quang học: từ 5,5 mm đến 6,5 mm 7. Dải công suất đáp ứng ít nhất từ +6,0 D đến +30,0 D 8. Kích thước vết mổ tối thiểu có thể đưa qua: $\leq 2,2$ mm 9. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt Đạt tiêu chuẩn CE.	Cái/Chiếc	100
23	MT25	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu cự	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh, bờ vuông 360 độ 2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic hydrophobic (ky nước) 3. Màu vàng, lọc tia cực tím, lọc ánh sáng xanh, phi cầu 4. Chỉ số khúc xạ (RI): $1,46 \leq RI < 1,50$ 5. Đặc điểm càng: 2 càng, cùng chất liệu với vùng quang học 6. Chiều dài thủy tinh thể: từ 12,3 mm đến 13,7 mm; đường kính vùng quang học: từ 5,5 mm đến 6,5 mm 7. Dải công suất đáp ứng ít nhất từ +0,0 D tới +34,0 D 8. Kích thước vết mổ tối thiểu có thể đưa qua : $\leq 2,2$ mm 9. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt Đạt tiêu chuẩn CE.	Cái/Chiếc	100
24	MT26	Thủy tinh thể nhân tạo hai tiêu cự	1. Thủy tinh thể nhân tạo mềm, hai tiêu cự, 1 mảnh 2. Chất liệu vùng quang học: Acrylic hydrophilic (ngậm nước) 3. Không màu, lọc tia cực tím, phi cầu 4. Chỉ số khúc xạ (RI): $1,46 \leq RI < 1,50$. 5. Đặc điểm càng: 2 càng, cùng chất liệu với vùng quang học 6. Chiều dài thủy tinh thể: từ 11,4 mm đến 12,6 mm; đường kính vùng quang học: từ 5,5 mm đến 6,5 mm 7. Dải công suất đáp ứng ít nhất từ +10,0 D đến +30,0 D 8. Kích thước vết mổ tối thiểu có thể đưa qua: $\leq 2,8$ mm 9. Thủy tinh thể cung cấp kèm dụng cụ đặt 10. Vùng quang học thiết kế theo công nghệ nhiễu xạ kết hợp khúc xạ; công suất bổ sung cho tiêu điểm nhìn gần $\geq +3,0$ D và $\leq +3,5$ D Đạt tiêu chuẩn CE.	Cái/Chiếc	40
Tổng cộng: 24 mã hàng					

Tổng tiền dự kiến: 8.900.225.600 (Tám tỷ, chín trăm triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, sáu trăm đồng)